|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: 688/QĐ-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2017* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

**thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

*(Lĩnh vực: Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

**BỘ TRƯỞNG**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủsửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lĩnh vực: Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

Các thủ tục hành chính được công bố theo quyết định này được ban hành tại:

1. Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

2. Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

3. Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc cấp và quản lý mã số mã vạch.

4. Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch" ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

6. Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch.

7. Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4098/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lĩnh vực: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng).

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ trưởng và các Thứ trưởng;  - Cục KSTTHC;  - Trung tâm Tin học (để cập nhật);  - Lưu: VT, PC, TĐC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Đã ký**  **Trần Văn Tùng** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI**

**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**(Lĩnh vực: Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 688/QĐ-BKHCN*

*ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan**  **thực hiện** |
| ***A. Thủ tục hành chính cấp trung ương*** | | | | | |
|  | [B-BKC-282174-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400972) | Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo | *Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282175-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400976) | Thủ tục Điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo | *Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282176-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400977) | Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo | *Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282188-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=401008) | Thủ tục cấp mã số, mã vạch | *Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| ***B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh*** | | | | | |
|  | [B-BKC-282132-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400830) | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận | *Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282133-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400831) | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | *Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282134-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400832) | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | *- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy;*  *- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | [B-BKC-282135-TT](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/bokhcn/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=400833) | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | *- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy;*  *- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* |  |  |

# PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## **I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương**

### 1. Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo

***a. Trình tự thực hiện:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân xuất, nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành nộp Hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ và chiều từ 13 giờ đến 17 giờ vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ nghỉ).

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận hồ sơ xem xét, thẩm định theo quy định:

- Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- Nếu hồ sơ đúng quy định, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định phê duyệt mẫu.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

+ Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu.

Tài liệu phải nêu rõ: Nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 2 thứ tiếng).

+ Bộ ảnh mầu của mẫu và đĩa CD chứa bộ ảnh này.

Bộ ảnh gồm: Một (01) ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc trưng đặctính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu.

Các ảnh phải cùng kích cỡ tối thiểu 100 mm × 150 mm nhưng không lớn hơn 210 mm × 297 mm, được gắn hoặc in mầu trên giấy khổ A4 đóng thành tập. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt.

+ Bản cam kết về chương trình phần mềm của phương tiện đo (áp dụng cho trường hợp phương tiện đo được vận hành, điều khiển theo chương trình phần mềm).

+ Bộ hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu.

Trường hợp cơ sở có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu trong đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo, bộ hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thử nghiệm theo quy định.

+ Danh mục tài liệu về việc xây dựng và áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật để bảo đảm phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩuphù hợp với mẫu đã phê duyệt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 07 ngày làm việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 20 ngày làm việc. Trong thời hạn 20 ngày, nếu cơ sở chưa đủ hồ sơ để bổ sung, cơ sở phải có văn bản gửi Tổng cục nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành. Việc xử lý hồ sơ chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 10 ngày làm việc.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

***g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo.

***h. Lệ phí:*** *Không[[1]](#footnote-1).*

***i. Tên mẫu đơn, tờ khai:*** Đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo (*Mẫu kèm theo*).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***Không

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

Mẫu 1. ĐKPDM

23/2013/TT-BKHCN

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:............................. | *.....,ngày tháng năm ...* |

**ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên cơ sở:…………………………………………………………………..

Địa chỉ trụ sở chính (1):……………………………………………………..

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):……………………………………..

Điện thoại:…………………………. Fax:………..…… Email:…………..

Đăng ký kinh doanh số: ………..…Ngày cấp............... Nơi cấp..............…

Đề nghị Tổng cục phê duyệt mẫu để (*sản xuất hoặc nhập khẩu*) (2)  phương tiện đo sau:

Tên phương tiện đo:

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính: *(ghi rõ tên hãng sản xuất, tên nước sản xuất, ký hiệu, kiểu, phạm vi đo, cấp chính xác và các đặc trưng kỹ thuật đo lường quan trọng khác)*

Đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo: (3)

Lý do đề nghị miễn/giảm thử nghiệm mẫu:

*Tài liệu kèm theo*(4)*:*

**CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ**

(*ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu ...

(1) : *Ghi rõ theo đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập.*

(2) : *Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.*

(3) : *Ghi rõ đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo quy định tại điều, khoản, điểm cụ thể của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.*

(4): *Ghi tên hồ sơ nộp kèm (Ví dụ: Hồ sơ liên quan đến đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu; tờ khai hải quan đối với trường hợp nhập khẩu...).*

### 

### 2. Thủ tục Điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

***a. Trình tự thực hiện:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo (sau đây gọi tắt là cơ sở)chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu theo quy định của pháp luật.

Cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường hoặc qua đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ và chiều từ 13 giờ đến 17 giờ vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ nghỉ)

***Bước 1:*** Xử lý hồ sơ

Lãnh đạo Tổng cục giao cho Vụ chuyên môn và Lãnh đạo Vụ chuyên môn sẽ giao cán bộ xử lý hồ sơ:

Cán bộ được giao xử lý hồ sơ xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho cơ sở.

- Nếu hồ sơ đúng quy định, Tổng cục sẽ ra quyết định điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt mẫu của cơ sở.

Cơ sở nộp phí (theo quy định của Bộ Tài chính) và nhận quyết định phê duyệt mẫu.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh

+ Các hồ sơ có liên quan

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 07 ngày làm việc.

Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 10 ngày làm việc.

***d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

***g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

***h. Lệ phí:*** *Không*[[2]](#footnote-2)*.*

***i. Tên mẫu đơn, tờ khai:*** Không

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

### 3. Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

***a. Trình tự thực hiện:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo (sau đây gọi tắt là cơ sở)chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu theo quy định của Pháp luật

Một (01) tháng trước khi quyết định phê duyệt mẫu hết hiệu lực, nếu có như cầu cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường hoặc qua đường bưu điện

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ và chiều từ 13 giờ đến 17 giờ vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ nghỉ)

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

Lãnh đạo Tổng cục giao cho Vụ chuyên môn và Lãnh đạo Vụ chuyên môn sẽ giao cán bộ xử lý hồ sơ

Cán bộ được giao xử lý hồ sơ xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho cơ sở.

- Nếu hồ sơ đúng quy định, Tổng cục sẽ ra quyết định gia hạn hiệu lực quyết định phê duyệt mẫu của cơ sở.

Cơ sở nộp phí (theo quy định của Bộ Tài chính) và nhận quyết định phê duyệt mẫu.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

+ Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của cơ sở) quyết định phê duyệt mẫu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 07 ngày làm việc.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

***g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

***h. Lệ phí:*** *Không*[[3]](#footnote-3)*.*

***i. Tên mẫu đơn, tờ khai:***

Đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo *(Mẫu kèm theo)*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

**Mẫu 5. ĐNGHPDM**

23/2013/TT-BKHCN

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:............................. | *....., ngày tháng năm ...* |

**ĐỀ NGHỊ GIA HẠN HIỆU LỰC CỦA**

**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên cơ sở:………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính (1):…………………………………………………

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):………………………………….

Điện thoại:…………………...Fax:………..…… Email:………….......

Đăng ký kinh doanh số: ………..…. Ngày cấp............... Nơi cấp..............

Đề nghị Tổng cục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo số............ ngày......tháng.......năm........

Thay đổi đặc tính kỹ thuật và đặc tính đo lường so với mẫu đã phê duyệt (*nếu có thay đổi về kiểu ký hiệu, phạm vi đo, cấp chính xác và các đặc trưng kỹ thuật và đo lường khác)*

**CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu…

*(1): Ghi rõ theo đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập.*

**Mẫu**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**

**VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**

**NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi :………………….*(Tên Cơ quan kiểm tra)*

Người nhập khẩu:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại | Đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ, Nhà sản xuất | Khối lượng/ số lượng | Cửa khẩu nhập | Thời gian  nhập khẩu |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Địa chỉ tập kết hàng hóa :

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:

Hợp đồng *(Contract)* số :

Danh mục hàng hoá *(Packing list)*:

Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: .........do Tổ chức... ........ cấp ngày: ...... / ....... / .............. tại:

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý số :

do Tổ chức chứng nhận : …....... cấp ngày: ...... /....... / .............. tại:

Hóa đơn *(Invoice)* số: ...............................................................................................................

Vận đơn *(Bill of Lading)* số:

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số :

Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):

Ảnh hoặc bản mô tả hàng hoá, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và chất lượng lô hàng hoá nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật………………………..……………… *.................................(hoặc tiêu chuẩn ………).*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)**  Vào sổ đăng ký: số:..../*(Tên viết tắt của Cơ quan KT)*  Ngày…… tháng…… năm 20...  *(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)* | …*.., ngày… tháng …năm…20.*  **(NGƯỜI NHẬP KHẨU)**  *( ký tên, đóng dấu)* |

**4. Thủ tục cấp mã số, mã vạch**

***a. Trình tự thực hiệnvà thời hạn giải quyết:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (gọi chung là tổ chức/doanh nghiệp) có nhu cầu sử dụng mã số mã vạch (MSMV) theo chuẩn của tổ chức MSMV quốc tế (GS1) với đầu mã quốc gia 893 chuẩn bị hồ sơ để nộp hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV tại các cơ quan được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV (sau đây gọi là Tổ chức tiếp nhận hồ sơ).

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ chức tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị tổ chức/doanh nghiệp hoàn thiện.

- Nếu hồ sơ đầy đủ:Tổ chức tiếp nhận hồ sơ lập hồ sơ đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thẩm định:

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ: Tổ chức tiếp nhận đề nghị tổ chức/doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ lập hồ sơ đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượngcấp mã số; vào sổ đăng kí, lưu vào ngân hàng mã số quốc gia và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện vềtổ chức tiếp nhận hồ sơ, (Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3).

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký sử dụng mã số mã vạch theo mẫu quy định(02 bản).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại hoặc bản sao Quyết định thành lập đối với các tổ chức khác (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực) (01 bản).

+ Bảng đăng ký danh mục sản phẩm sử dụng mã GTIN (02 bản).

Khi tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, về tên gọi hoặc địa chỉ giao dịch hoặc Giấy chứng nhận bị mất hoặc hỏng, tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV phải thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để được đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận mới.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tổ chức tiếp nhận hồ sơ phải chuyển hồ sơ đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành thẩm định hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV:

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp mã số; vào sổ đăng ký, lưu vào ngân hàng mã số quốc gia và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV. Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV được gửi cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV thông qua các tổ chức tiếp nhận hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày được Tổng cục TCĐLCL cấp.

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị tổ chức/doanh nghiệp hoàn thiện.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức/doanh nghiệp Việt Nam, tổ chức/doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu sử dụng mã số mã vạch.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch.

***h. Lệ phí[[4]](#footnote-4):***

*- Mức thu phí cấp và hướng dẫn sử dụng mã số mã vạch*

*+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 (không phân biệt mã số đăng ký sử dụng): 1.000.000 đồng*

*+ Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN): 300.000 đồng*

*+ Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8): 300.000 đồng*

*- Mức thu phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số mã vạch nước ngoài*

*+ Hồ sơ có ít hơn hoặc bằng 50 mã sản phẩm: 500.000 đồng/ hồ sơ*

*+ Hồ sơ trên 50 mã sản phẩm: 10.000/mã.*

*- Mức thu phí duy trì sử dụng mã số mã vạch hàng năm (niên phí):*

*+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 10 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100 số vật phẩm): 500.000 đồng;*

*+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 9 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 1.000 số vật phẩm): 800.000 đồng;*

*+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 8 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 10.000 số vật phẩm): 1.500.000 đồng;*

*+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 7 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100.000 số vật phẩm): 2.000.000 đồng*

*+ Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN): 200.000 đồng*

*+ Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8): 200.000 đồng*

*Trường hợp tổ chức, cá nhân được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch sau ngày 30 tháng 6 nộp 50% (năm mươi phần trăm) mức phí duy trì tương ứng với từng loại mã số mã vạch theo quy định nêu trên.*

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản đăng ký sử dụng mã số mã vạch *(Mẫu kèm theo).*

- Bản đăng ký Danh mục sản phẩm sử dụng mã GTIN *(Mẫu kèm theo).*

Mẫu có thể thay đổi và được cập nhật trên website www.gs1vn.org.vn.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***Phí duy trì sử dụng MSMV phải nộp trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Nếu quá thời hạn đó mà chưa nộp thì tổ chức tiếp nhận hồ sơ sẽ thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV biết để nộp. Nếu sau một năm tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV không nộp phí duy trì sử dụng MSMV, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ thu hồi mã số đã cấp, thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng và thông báo rộng rãi trên phương tiện truyền thông hoặc các cơ quan có liên quan.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch.

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc cấp và quản lý mã số mã vạch.

- Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch" ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

*- Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch*

**Mẫu**

**BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

#### Tên Tổ chức /Doanh nghiệp bằng tiếng Việt:

#### (Organization’s Name in Vietnamese)

**Tên Tổ chức /Doanh nghiệp bằng tiếng Anh:**

#### (Organization’s Name in English)

**Địa chỉ bằng tiếng Việt**:

#### (Address in Vietnamese)

**Địa chỉ bằng tiếng Anh**:

#### (Address in English)

Điện thoại (Tel) ………………………….. Fax: ………………………………….

Website: …………………………………. E-mail: ……………………………….

Tài khoản (Account): ………………………………………………………………..

Ngân hàng (Bank): …………………………………………………………………….

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập (Business Registration Certificate/ Certificate of Establishment): Số (No)......... Ngày cấp (date of issue) ...........

Cơ quan cấp (Issued by) ..........................................................................................

**Lĩnh vực hoạt động** (Điền 🗸 vào ô trống)

Field of activities (Please tick 🗸)

🗆 Sản xuất (Manufacturing) 🗆 Thương mại (Trading) 🗆 Bán lẻ (Retail)

🗆 Dịch vụ (Service) 🗆 Khác (others) …………………………………

**Phân ngành** (Branch classification): ……………………………...

**Tổng chủng loại sản phẩm, dịch vụ đăng ký sử dụng MSMV** (Total number of registered products/services: …………………………………...................

**Chúng tôi xin đăng ký sử dụngloại mã** (Điền 🗸 vào ô trống):

We register for (Please tick 🗸):

🗆 Mã doanh nghiệp (Company Prefix)

*Type of Company Prefix registrated (Please tick 🗸)*

🗆 7 chữ số (7 - digit) 🗆 8 chữ số (8 - digit) 🗆 9 chữ số (9 - digit). 🗆 10 chữ số (10 - digit).

🗆 Mã số địa điểm toàn cầu GLN (Global Location Number)

* Mã số rút gọn EAN -8 (Short Number):

**Đại diện Tổ chức /Doanh nghiệp (Leader)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chức danh (Title) | Họ và tên (Name) | Chức vụ, đơn vị (Position, Section) | Điện thoại /fax  (Tel/Fax) | Hòm thư điện tử  (E-mail) |
| Đại diện  có thẩm quyền  (CEO, Director…) |  |  |  |  |
| Người liên lạc chính  (Contact person) |  |  |  |  |

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản thuộc "*Quy định về cấp, sử dụng và quản lý MSMV* " ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BKHCN, ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghê, các quy định về phí của Bộ Tài chính (Thông tư số 36/2007/TT-BTC ngày 11/4/2007) và các điều khoản sau đây:

- Chỉ sử dụng mã số đã được cấp cho các sản phẩm, dịch vụ của mình;

- Thực hiện đúng các quy định về nộp phí và nộp phí duy trì trước 30/6 hàng năm;

- Khi vì lý do nào đó (bị giải thể hoặc phá sản) không còn nhu cầu sử dụng mã số đã được cấp thì chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Tổng cục TCĐLCL trong thời gian một tháng kể từ ngày giải thể hoặc phá sản;

- Nếu đổi tên hoặc đổi tư cách pháp nhân, hoặc địa chỉ chúng tôi sẽ thông báo cho Tổng cục TCĐLCL trong thời gian một tháng kể từ ngày có thay đổi để làm thủ tục đổi giấy chứng nhận .

We certify that the above information is true. We have read the Regulation issued by MOST with Decision No: 16/2006/QD-BKHCN dated August 8th, 2006 and the Fee Regulation issued by MOF (Circular No. 36/2007/TT-BTC dated 11 April 11st, 2007) and on behalf of our company agree to abide by the said Regulations, as well as the following clauses:

- Using the allocated number only for our own products and services;

- Complying with the fees requirements, paying the annual fee before June 30th annually;

- In case we have no need to use the allocated number (due to dissolving or bankruption), we will inform the Directorate for Standards and Quality within one month from the date of dissolving or bankruption in written form;

- If the name or legal status or address of our organization is changed, we will inform the Directorate for Standards and Quality within one month from the date of this change for getting an updated Certificate.

*…(Place), ngày (DD) …. tháng(MM)... năm (YY)...*

***Doanh nghiệp không điền vào ô này.***

***(For GS1 Vietnam office use)***

Mã M (Company Prefix):

Mã GLN (Global Location Number):

Số GCN (Registered No): ………………

Số VS (Reference No) …………………

Ngày cấp (Date of issue): ………………..

Đại diện tổ chức /Doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu) (Leader’s Signature and Stamp)

**Mẫu**

**BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC SẢN PHẨM SỬ DỤNG MÃ GTIN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC SẢN PHẨM SỬ DỤNG MÃ GTIN**

**(List of registered products with GTIN)**

Tên Tổ chức /Doanh nghiệp (Organization’s name) ................................................................ ........

Mã doanh nghiệp (Company Prefix): **893** ..................................................................

Số giấy chứng nhận:(Registered Number)............................... .........................................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **No** | **Tên sản phẩm**  **(Name of products)** | **Mã vật phẩm / thùng**  **(Item/box or case reference)** | **Mã thương phẩm toàn cầu (Global Trade Item Number - GTIN)** | **Mô tả sản phẩm (Product Description)**  (Đặc điểm, loại sản phẩm, bao gói,  số lượng, khối lượng, kích thước …)  (Characteristics, types, package, weight, size .etc) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Tổng cộng: ....................... loại vật phẩm .............. loại thùng.  *…(Place), ngày (DD) …. tháng(MM)... năm (YY)...*

Total: ……………………. type of item …….type of boxe or case. **Đại diện Tổ chức /Doanh nghiệp**

*(Ký tên và đóng dấu)*

(Leader’s Signature and Stamp)

**II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

### 1. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

***a. Trình tự thực hiện:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng, nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượngnơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ)

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Chi cục) thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượnghoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Bản công bố hợp chuẩn.

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).

+ Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố.

+ Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ nộp cho Chi cục; 01 bộ do tổ chức, cá nhân lưu).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Ðối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Chi cục thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Ðối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn để xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Tiêu chuẩn ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn.

***h. Lệ phí*:** 150.000 đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Bản công bố hợp chuẩn *(Mẫu kèm theo).*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- [Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật](http://congbotieuchuansanpham.vn/?p=1537)ngày 29 tháng 6 năm 2006.

*-* Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu**  **Bản công bố hợp chuẩn/hợp quy**  (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------**  **BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**  Số ………………………….  Tên tổ chức, cá nhân: ……… …………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………..………………………………….  Điện thoại: ………………………………Fax: ………………………………………………..  E-mail: ……………………………………………………..………………………………  **CÔNG BỐ:**  Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...* )  …………………………..………………………………………..…………………………………………………………………………………………………..……………………………  Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  …………………………..………………………………………..……………………………  ……………………………………………………………………..……………………………  Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):  ……………………………………………………..……………………………………………  ……………………………………………………..……………………………………………  *- Loại hình đánh giá:*  *+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;*  *+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.*  .....(Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của …. (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)…….. do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác. | |
|  | *…………., ngày …… tháng …… năm ….* **Đại diện Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, chức vụ, đóng dấu) |

### 2. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

***a. Trình tự thực hiện:***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ)

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Chi cục) thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượnghoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Bản công bố hợp chuẩn.

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).

+ Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố.

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thông quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP…), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý.

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP…), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.

+ Báo cáo đánh giá hợp chuẩn kèm theo bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ nộp cho Chi cục; 01 bộ do tổ chức, cá nhân lưu).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Ðối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Chi cục thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Ðối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn để xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Tiêu chuẩn ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn.

***h. Lệ phí*:** 150.000 đồng

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Bản công bố hợp chuẩn *(Mẫu kèm theo).*

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng *(Mẫu kèm theo).*

- Mẫu báo cáo đánh giá hợp chuẩn *(Mẫu kèm theo).*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- [Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật](http://congbotieuchuansanpham.vn/?p=1537)ngày 29 tháng 6 năm 2006.

*-* Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu**  **Bản công bố hợp chuẩn/hợp quy**  (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------**  **BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**  Số ………………………….  Tên tổ chức, cá nhân: ……… …………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………..………………………………….  Điện thoại: ………………………………Fax: ………………………………………………..  E-mail: ……………………………………………………..………………………………  **CÔNG BỐ:**  Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...* )  …………………………..………………………………………..…………………………………………………………………………………………………..……………………………  Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  …………………………..………………………………………..……………………………  ……………………………………………………………………..……………………………  Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):  ……………………………………………………..……………………………………………  ……………………………………………………..……………………………………………  *- Loại hình đánh giá:*  *+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;*  *+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.*  .....(Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của …. (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)…….. do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác. | |
|  | *…………., ngày …… tháng …… năm ….* **Đại diện Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, chức vụ, đóng dấu) |

**Mẫu**

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)*

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

Sản phẩm/hàng hóa/dịch vụ/quá trình/môi trường: ……………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các quá trình sản xuất cụ thể** | **Kế hoạch kiểm soát chất lượng** | | | | | | |
| **Các chỉ tiêu giám sát/kiểm soát** | **Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật** | **Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu** | **Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra** | **Phương pháp thử/kiểm tra** | **Biểu ghi chép** | **Ghi chú** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………., ngày …… tháng …… năm ..….* Đại diện tổ chức *(ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN*(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……........... | *………, ngày … tháng …. năm …..* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**

1. Ngày đánh giá:

2. Địa điểm đánh giá:

3. Tên sảnphẩm:

4. Số hiệu tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụngvà hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

7. Các nội dung khác (nếu có):

8. Kết luận:

Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Sản phẩm không phùhợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người đánh giá** *(ký và ghi rõ họ tên)* | **Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân** *(ký tên, chức vụ, đóng dấu)* |

**3. *Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành[[5]](#footnote-5)***

***a. Trình tự thực hiện***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *(Bao gồm: Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định)* nộp hồ sơ tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ[[6]](#footnote-6)

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ công bố hợp quy theo quy định cho cơ quan chuyên ngành để công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân;

- Sau khi nộp hồ sơ công bố hợp quy tại cơ quan chuyên ngành, tổ chức, cá nhân được phép lưu thông hàng hóa.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận (sau đây viết tắt là tổ chức chứng nhận):

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ công bố hợp quy theo quy định cho cơ quan chuyên ngành để công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận;

- Sau khi có bản Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành, tổ chức, cá nhân được phép lưu thông hàng hóa.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ công bố hợp quy theo quy định kèm theo bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận được chỉ định cho cơ quan chuyên ngành để được cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy;

- Sau khi nộp hồ sơ công bố hợp quy tại cơ quan chuyên ngành, tổ chức, cá nhân được phép lưu thông hàng hóa.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo trình tự sau:

**- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ** theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Chi cục) thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, cơ quan chuyên ngành có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[7]](#footnote-7):***

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:

- Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau:

+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;

+ Tên sản phẩm, hàng hóa;

+ Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật;

+ Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;

+ Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:

Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chi cục gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

***h. Lệ phí:*** 150.000 đồng

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Bản công bố hợp quy *(Mẫu kèm theo).[[8]](#footnote-8)*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- [Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật](http://congbotieuchuansanpham.vn/?p=1537)ngày 29 tháng 6 năm 2006.

*-* Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

**-** *Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.*

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu**  **Bản công bố hợp chuẩn/hợp quy**  (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------**  **BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**  Số ………………………….  Tên tổ chức, cá nhân: ……… …………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………..………………………………….  Điện thoại: ………………………………Fax: ………………………………………………..  E-mail: ……………………………………………………..………………………………  **CÔNG BỐ:**  Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...* )  …………………………..………………………………………..…………………………………………………………………………………………………..……………………………  Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  …………………………..………………………………………..……………………………  ……………………………………………………………………..……………………………  Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):  ……………………………………………………..……………………………………………  ……………………………………………………..……………………………………………  *- Loại hình đánh giá:*  *+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;*  *+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.*  .....(Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của …. (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)…….. do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác. | |
|  | *…………., ngày …… tháng …… năm ….* **Đại diện Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, chức vụ, đóng dấu) |

**4. *Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành****[[9]](#footnote-9)*

***a. Trình tự thực hiện***

***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *(Bao gồm: Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định)* nộp hồ sơ tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

*Cơ quan chuyên ngành xác nhận tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của tổ chức, cá nhân.*

***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ[[10]](#footnote-10)

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hoặc tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận (sau đây viết tắt là tổ chức chứng nhận):

- Trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan chuyên ngành xác nhận tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của tổ chức, cá nhân.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, tổ chức, cá nhân phải nộp kết quả tự đánh giá theo quy định hoặc sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan chuyên ngành.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định:

- Cơ quan chuyên ngành cấp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu;

- Sau khi có Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, tổ chức, cá nhân nộp bản sao y bản chính Thông báo này cho cơ quan hải quan để thông quan hàng hóa.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo trình tự sau:

**- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ** theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Chi cục) thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, cơ quan chuyên ngành có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ*[[11]](#footnote-11)*:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:

- Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau:

+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;

+ Tên sản phẩm, hàng hóa;

+ Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật;

+ Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;

+ Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

\* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:

Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chi cục gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Chi cục ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

***h. Lệ phí:*** 150.000 đồng

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Bản công bố hợp quy *(Mẫu kèm theo).[[12]](#footnote-12)*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- [Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật](http://congbotieuchuansanpham.vn/?p=1537)ngày 29 tháng 6 năm 2006.

*-* Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- *Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.*

*- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu**  **Bản công bố hợp chuẩn/hợp quy**  (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------**  **BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**  Số ………………………….  Tên tổ chức, cá nhân: ……… …………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………..………………………………….  Điện thoại: ………………………………Fax: ………………………………………………..  E-mail: ……………………………………………………..………………………………  **CÔNG BỐ:**  Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...* )  …………………………..………………………………………..…………………………………………………………………………………………………..……………………………  Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  …………………………..………………………………………..……………………………  ……………………………………………………………………..……………………………  Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):  ……………………………………………………..……………………………………………  ……………………………………………………..……………………………………………  *- Loại hình đánh giá:*  *+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;*  *+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.*  .....(Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của …. (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)…….. do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác. | |
|  | *…………., ngày …… tháng …… năm ….* **Đại diện Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, chức vụ, đóng dấu) |

1. *Sửa đổi theo quy định tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Sửa đổi theo quy định tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Sửa đổi theo quy định tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-5)
6. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-7)
8. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.* [↑](#footnote-ref-12)